TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ PHONG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày 05/08/2022
V/v: "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ PHONG - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lô Văn Tuất
Ông Cù Đức Hùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lương Huyền Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Phong tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà***: Bà Lô Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX-ST ngày 20/06/ 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/QĐST-TA, ngày 12/07/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm: 2001. Có mặt
Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện Q, Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1991. Vắng mặt
Nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện Q, Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 16/02/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An vào năm 2020, sau một thời gian chung sống. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc

sống, thường xuyên cãi nhau không chịu làm ăn, làm cho kinh tế gia đình ngày càng khó khăn, vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là Phạm Văn Sáng, sinh ngày: 31/05/2016 và Phạm Đức Kỷ, sinh ngày; 13/03/2018. Tại đơn khởi kiện chị Lê Thị T có nguyên vọng được nuôi con chung Phạm Đức Kỷ, còn anh Phạm Văn T nuôi con chung Phạm Văn Sáng. Nhưng tại bản tự khai của chị Lê Thị T và Biên bản hòa hòa giải ngày 21/04/2022 thì chị Lê Thị T nhường quyền nuôi cả 2 con chung cho anh Phạm Văn T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) vì anh Phạm Văn T có nhà ở ổn định, chị T sẽ hỗ trợ việc chăm sóc và nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị T thuộc hộ nghèo và đã có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí.

Bản tự khai và các biên bản hòa giải, anh Phạm Văn T là bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T thừa nhận chung sống và có đăng ký kết hôn với chị Lê Thị T trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiền Phong, huyện Quế Phong. Quá trình chung sống vợ, chồng cũng có mâu thuẫn nhỏ nên chị Lê Thị T đã bỏ về nhà ngoại ở. Nhưng anh T vẫn còn tình cảm với chị T nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị T có 02 con chung đúng như chị T đã trình bày tên là Phạm Văn S, sinh ngày: 31/05/2016 và Phạm Đức K, sinh ngày: 13/03/2018. Anh T có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Lê Thị T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung và chị Lê Thị T đã nhất trí (Biên bản Hòa giải ngày 21/4/2022).

Về tài sản chung: Anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần 2, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quế Phong tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật T tụng của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật T tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật T tụng của những người tham gia T tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ T tụng của mình trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn, có mặt tham gia phiên họp và hòa giải, nhưng

vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập lần thứ 2. Đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn T.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 147 của BLTTDS; các Điều 51, 56, 58, 81, 82 , 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn T. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về con chung: Giao cả hai con chung cho anh Phạm Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho Chị Lê Thị T cho đến khi có thay đổi khác; Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về T tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật T tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân nhân dân huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết. Anh Phạm Văn T là bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật T tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau vào năm 2020 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn, ngày đăng ký 02/01/2020. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ, chồng sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không đồng lòng xây dựng hạnh phúc gia đình, kinh tế thì khó khăn. Chị T đã bỏ về nhà ngoại và vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị T xin được ly hôn. Phía anh T cho rằng anh vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn, nhưng lại không chịu thay đổi, động viên vợ để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị T đã diễn ra căng thẳng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin được ly hôn của chị T là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh T, sinh được 02 con chung là Phạm Văn S, sinh ngày: 31/05/2016 và Phạm Đức K, sinh ngày:

13/03/2018. Biên bản Hòa giải ngày 21/04/2022, chị T và anh T đã thống nhất thỏa thuận giao cả hai con chung cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi con chung cho đến tuổi trưởng thành và chị T sẽ hỗ trợ việc nuôi dạy, chăm sóc con. Không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy anh T có nhà ở ổn định, hiện hai con đang ở cùng anh T, các con khỏe mạnh và phát triển bình thường và các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên cần được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị T thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí, nên được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Phong tại phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật T tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử**:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T. cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn T.

[2] Về con chung: Giao con chung là Phạm Văn S, sinh ngày: 31/05/2016 và Phạm Đức K, sinh ngày: 13/03/2018 cho anh Phạm Văn T được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lê Thị T

Chị Lê Thị T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này.

[3] Về án phí: Miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Lê Thị T.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng

cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được Tng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.Quế Phong;
- UBND xã nơi thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Quế Phong;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Thảo